

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**
Bản án số: 82/2020/HNGĐ.ST
Ngày: 08/5/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh.
2. Ông Lê Hoàng Long.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hưng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Cẩm O** - sinh năm 1997;
ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

- Bị đơn: anh **Phạm Hoàng X** - sinh năm 1994.
ĐKTT: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2020 cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm O trình bày:

Anh chị qua mai mối tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, do quan điểm sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung, chị O xin đi làm để kiếm thêm thu nhập thì anh X không đồng ý. Sau khi chị O đi làm cho người dì trở về thì anh X đối xử lạnh nhạt không quan tâm đến chị. Nay đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng không thể hàn gắn nên Chị O đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh X. Anh chị không có con chung; Tài sản chung: Khi làm lễ cưới cha mẹ chồng chị O có cho chung vợ chồng chị 10 chỉ vàng 18K và 10 chỉ vàng 24k (vàng nữ trang), số vàng này hiện nay anh X đang giữ, chị yêu cầu anh X có trách nhiệm

chia đôi số vàng trên mỗi người 05 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K do đây là tài sản được tặng cho chung của chị O và anh X. Anh chị không có nợ chung.

Bị đơn anh Phạm Hoàng X trình bày:

Tôi thông nhất lời trình bày của vợ tôi về thời gian tìm hiểu, thời gian cưới, chúng tôi có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, do vợ tôi O tự ý bỏ nhà đi làm thuê trong khi tôi không đồng ý nên giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay O yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và O thì tôi đồng ý. Về con chung: chúng tôi không có con chung và nợ chung. Tài sản chung: khi rước O về nhà làm lễ cưới, cha mẹ ruột của tôi có cho chung chúng tôi 10 chỉ vàng 18K và 10 chỉ vàng 24k (vàng nữ trang), mục đích cha mẹ cho là để làm vốn kinh doanh cho hai đứa tôi sau này, số vàng này hiện nay tôi đang giữ. Tôi không đồng ý chia đôi số vàng này với O, vì O tự ý bỏ nhà đi làm thuê không về nhà, số vàng tôi giữ lại để cưới vợ sau này. Ngoài ra khi cưới cha mẹ vợ tôi có cho vợ tôi một số vàng nhưng tôi không yêu cầu chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Chị O và anh X chung sống với nhau từ năm 2018, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị O có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh X. Tranh chấp này được xác định là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật dân sự 2015.

[3] *Xét về nội dung vụ án*: Chị O và anh X qua mai mối tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên xem như hôn nhân không hợp pháp, khi đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án sẽ không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa hai anh chị có phát sinh mâu thuẫn: do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã sống ly thân với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh X là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Số tài sản là vàng gồm 10 chỉ vàng 18k và 10 chỉ vàng 24K (vàng nữ trang) cả chị O và anh X đều thừa nhận đây là tài sản anh chị được cha mẹ ruột của anh X tặng cho chung trong ngày cưới, mục đích là để anh chị làm vốn kinh doanh về sau, số vàng này hiện nay anh X đang giữ, chị O yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh X đồng thời chia đôi số vàng trên mỗi người 05 chỉ vàng 24K và 05 chỉ vàng 18K vì đây là tài sản anh chị được tặng cho chung, phía anh X không đồng ý chia đôi số vàng trên vì cho rằng chị O tự ý bỏ nhà đi làm thuê không về nên số vàng này anh X giữ lại để cưới vợ sau này.

Nhận thấy, 10 chỉ vàng 18K và 10 chỉ vàng 24K (vàng nữ trang) là tài sản được tặng cho chung của anh X và chị O, theo quy định tại Điều 16 luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự về việc chia tài sản thuộc sở hữu chung. Như vậy, cả chị O và anh X đều thừa nhận đây là tài sản được tặng cho chung nên yêu cầu chia đôi số vàng 10 chỉ vàng 18K và 10 chỉ vàng 24K của chị O là có cơ sở để chấp nhận; ý kiến của anh X về việc không đồng ý chia đôi số vàng trên là không có cơ sở để chấp nhận. Hiện tại anh X giữ số vàng này nên anh X có nghĩa vụ trả lại cho chị O 05 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K.

Ghi nhận anh X tự nguyện không yêu cầu Tòa án chia số vàng mà cha mẹ ruột chị O cho chị O trong ngày cưới. Anh chị không có nợ chung.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 207, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 14, Điều 16 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Chị Trần Thị Cẩm O.

* *Về quan hệ hôn nhân:* **Không công nhận quan hệ vợ chồng** giữa chị Trần Thị Cẩm O và anh Phạm Hoàng X.

* *Về con chung:* Không có, nên không đặt ra giải quyết.

* *Về tài sản chung:* Anh X có nghĩa vụ trả lại cho chị O 05 chỉ vàng 18K và 05 chỉ vàng 24K (vàng nữ trang).

* *Về án phí:* Chị O phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Án phí chia tài sản chung: Chị O phải chịu 2.040.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng); Anh X phải chịu 2.040.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị O đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 015494 ngày 21/02/2020, chị O còn phải nộp thêm 2.040.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- UBND xã T;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Trần Thị Phương Anh